

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/DS-ST

Ngày 30-6-2021

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Lý

Ông Huỳnh Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2021 về Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Tô Tấn K; địa chỉ nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Kim Điền P; địa chỉ liên hệ: ấp B, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo văn bản ủy quyền được xác nhận ngày 03-03-2021. (Có mặt)

- Bị đơn:

+ Bà Nguyễn Thị Hồng L; địa chỉ đăng ký thường trú: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ liên hệ: K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

+ Chị Thạch Thị Kim N; địa chỉ đăng ký thường trú: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ liên hệ: K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Thạch Sơn L2; địa chỉ đăng ký thường trú: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ liên hệ: Ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08-12-2020, biên bản lấy lời khai ngày 27-01-2021, biên bản hòa giải ngày 05-03-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Tô Tấn K có người đại diện hợp pháp trình bày cho rằng vào năm 2018 – 2019, ông K có bán tôm cho mẹ con bà Nguyễn Thị Hồng L, Thạch Thị Kim N cụ thể các lần như sau: Lần 1 ngày 19-11-2018 bán 423kg cân trừ còn nợ 41.184.000 đồng, theo Hóa đơn ngày 19-11-2018 đề “Lắm – Loan thu mua tôm – tép”; lần 2 ngày 20-8-2019 bán 260kg cân trừ còn nợ 13.403.000 đồng, theo Hóa đơn ngày 20-8-2019 đề “Lắm – Loan thu mua tôm – tép”; lần 3 ngày 12-9-2019 bán 525kg số tiền 29.873.000 đồng, theo Hóa đơn ngày 12-9-2019 đề “Lắm – Loan thu mua tôm – tép”; lần 4 ngày 14-11-2020 bán 1.185,3kg số tiền 72.303.000 đồng, theo Hóa đơn ngày 14-11-2020 đề “Lắm – Loan thu mua tôm – tép”; lần 5 ngày 11-11-2020 bán 307kg số tiền 16.792.900 đồng, theo Hóa đơn ngày 11-11-2020 đề “Lắm – Loan thu mua tôm – tép”; lần 6 ngày 17-11-2020 bán 120kg số tiền 5.844.000 đồng, theo Hóa đơn ngày 17-11-2020 đề “Lắm – Loan thu mua tôm – tép”. Ông K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L và chị N cùng liên đới trả cho ông K tổng số tiền nợ mua bán trên là 179.505.900 đồng, đính chính lại là 179.399.900 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27-01-2021, biên bản hòa giải ngày 05-03-2021, đơn đề nghị xét xử, giải quyết vắng mặt ngày 18-5-2021 bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng L trình bày thừa nhận có nợ ông Tô Tấn K 06 lần mua tôm với tổng số tiền 179.399.900 đồng như ông K khởi kiện; bà xác định đây là nợ riêng giữa bà với ông K, không liên quan đến con gái bà là Thạch Thị Kim N; các hóa đơn mua bán do ông K cung cấp cho Tòa án gồm có Hóa đơn ngày 20-8-2019, Hóa đơn ngày 19-11-2018, Hóa đơn ngày 12-9-2019, Hóa đơn ngày 14-11-2020, Hóa đơn ngày 11-11-2020, Hóa đơn ngày 17-11-2020 cùng đề “Lắm – Loan thu mua tôm – tép” là hóa đơn của Cơ sở Lắm – Loan địa chỉ số 245 Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng do bà làm chủ và kinh doanh, nhưng hiện cơ sở đã ngưng hoạt động nên bà không còn khả năng trả số tiền nợ này, nên xin qua đến năm 2022 bà sẽ có kế hoạch trả hết nợ trên cho ông K. Hiện nhà ở Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng của bà đã bị phát mãi nên bà và con gái thay đổi chỗ ở về nhà mẹ ruột của bà tên Huỳnh Thị M ở ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và đề nghị Tòa án gửi văn bản đến địa chỉ này cho bà; đồng thời, bà đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt bà, do bà bận đi làm ăn không thường xuyên có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Bị đơn chị Thạch Thị Kim N đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng các đương sự trên vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01-6-2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch Sơn L2 trình bày cho rằng đối với yêu cầu khởi kiện của ông K đối với bà L, chị N số tiền mua bán tôm tép 179.399.900 đồng thì ông không có ý kiến hay yêu cầu gì; ông và bà L đã ly hôn, khi ly hôn thì ông ra đi và giao cho bà L toàn bộ tài sản, mọi giao dịch trên là do bà L trực tiếp thực hiện không liên

quan đến ông; do ông bị bệnh tai biến nhẹ đi lại khó khăn nên xin vắng mặt các phiên hòa giải, xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà L, chị N liên đới trả 179.399.900 đồng, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành các quy định, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà L trả số tiền nợ mua bán tôm 179.399.900 đồng, không chấp nhận yêu cầu buộc chị N cùng liên đới trả số tiền nợ trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của ông K là tranh chấp dân sự về “*hợp đồng mua bán tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khi khởi kiện các bị đơn cư trú Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; tại phiên tòa, bà L và ông L2 vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, chị N được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2] Bà L thừa nhận nợ ông K số tiền mua bán tôm tổng cộng là 179.399.900 đồng theo Hóa đơn ngày 20-8-2019, Hóa đơn ngày 19-11-2018, Hóa đơn ngày 12-9-2019, Hóa đơn ngày 14-11-2020, Hóa đơn ngày 11-11-2020, Hóa đơn ngày 17-11-2020 cùng đề “*Lắm - Loan thu mua tôm – tép*” là do cá nhân bà trực tiếp thỏa thuận, mua bán với ông K tại Cơ sở Lắm Loan (Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh do ông Thạch Sơn L2 đại diện) sau khi bà và ông Thạch Sơn L2 đã ly hôn ngày 28-6-2018 (theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 58/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28-6-2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng), không liên quan đến ông L2, chị N nên bà tự chịu trách nhiệm toàn bộ số tiền nợ trên với ông K là có cơ sở ghi nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 101 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, ông K yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả tiền nợ mua tôm trên là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Ông K yêu cầu chị N có trách nhiệm liên đới cùng bà L trả tiền nợ mua tôm 179.399.900 đồng, bà L khẳng định đây là nợ cá nhân do bà thỏa thuận, mua bán với ông K, chị N không có ý kiến. Nhận thấy, như đã phân tích ở mục [2], ngoài ra ông K không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh chị N có giao dịch

mua tôm của ông K và nợ số tiền cụ thể bao nhiêu. Vì vậy, yêu cầu trên của ông K là không có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Từ những phân tích như đã nêu trên, có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông K; xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm bà L phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 101, Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tô Tấn K, buộc bà Nguyễn Thị Hồng L có nghĩa vụ trả cho ông Tô Tấn K số tiền nợ mua tôm 179.399.900 đồng (Bằng chữ: Một trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm chín mươi chín ngàn, chín trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tô Tấn K về việc buộc chị Thạch Thị Kim N có trách nhiệm liên đới cùng bà Nguyễn Thị Hồng L trả tiền nợ mua tôm 179.399.900 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Hồng L phải chịu 8.969.900 đồng.

- Ông Tô Tấn K không phải chịu, hoàn trả cho ông K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.488.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008238 ngày 05-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Nhân